

Lịch Sử đã đến hồi Chung Cuộc? Một Trả Lời Tới Fukuyama

❖ Nguyễn Hữu Liêm

Độc *The End of History and the Last Man* của Francis Fukuyama (Free Press, 1992), 401 trang.

Trong những năm gần đây, khi chủ nghĩa *Marxism* sụp đổ, triết học Hegel lại được hồi sinh. Câu hỏi là: có một định hướng chủ đích cho lịch sử hay không? Nếu có thì cứu cánh lịch sử là gì? Từ những câu hỏi này, triết học “sử-định-luận” (“historicism”) cố gắng tìm câu trả lời. Trong chiều hướng đó, Francis Fukuyama của Hoa Kỳ, trong một luận đề đăng trong *National Interest*, Hè 1989, *The End of History? (Lịch Sử Đã Đến Hồi Chung Cuộc?)* đã tạo nên một làn sóng tranh luận triết học Hegel trong những năm 1989-1992.

Dựa trên lối đọc Hegel của Alexandre Kojève trong cuốn *Introduction à la Lecture de Hegel*, Fukuyama kết luận rằng lịch sử nhân loại đã đến hồi chung cuộc và ý thức chính trị dân chủ đa nguyên và kinh tế thị trường là chân lý tối hậu. Luận đề này được Fukuyama mở rộng thành đề tài cho cuốn *The End Of History And The Last Man (Chung Cuộc Lịch Sử Và Mẫu Người Sau Cùng)*.

Trái với tiểu luận được đăng vào năm 1989, cuốn sách đã được đón tiếp lạnh nhạt. Có nhiều lý do: Thứ nhất là thời điểm tranh luận đã đi qua và hầu hết đều cho rằng tiền đề lịch sử đã chấm dứt chỉ là một khái niệm thời sự không có giá trị lâu dài. Thứ hai là, trái với luận đề, Fukuyama viết cuốn sách quá tẻ. Những vấn đề triết học Hegel mà Kojève nêu lên đã không được Fukuyama khai thác; trái lại, ông chỉ chú trọng về mẫu người của xã hội Tây Phương- và đã biến cuốn sách thành một thứ lý luận chính trị xã hội phổ thông.

Vào thời điểm này, ở Tây Âu và Hoa Kỳ, thì luận đề, cuốn sách và giả thuyết triết học về sự chung mãn của lịch sử đã bị lãng quên. Tuy nhiên, ở Việt Nam sự bàn tán về chủ đề này của Fukuyama vẫn còn tương đối tiếp tục. Và điều này có lý do và ý nghĩa của nó. Tôi xin phê bình tiền đề “mãn hồi lịch sử” của Fukuyama như sau (Nội dung này đã được nằm trong phần phụ lục cho cuốn sách của tôi, *Tự Do và Đạo Lý*, 1993).

Càng gần để cuối thế kỷ Hai Mươi này, Tây Phương lại càng ồn ào lên với những dự phóng về một “kết cuộc lịch sử,” trên phương diện triết học, và “tận thế” trên phương diện thần học. Tiểu luận *The End Of History?* của Francis Fukuyama là một hiện tượng trí thức trong truyền thống và gia sản tư duy Tây Phương vốn quá bận tâm đến một giải quyết cuối cùng cho hiện hữu.

Từ nỗi thao thức để cố gắng vùng vẫy ra khỏi những vẩn nạn cuộc đời, bản chất thiếu kiên nhẫn với hiện hữu của con người và triết học Tây Phương, từ thời Plato của Hy Lạp cho đến hôm nay, luôn luôn cố nặn ra những ảnh tượng chung cuộc và dứt điểm để thỏa mãn cái mà Timothy Fuller gọi là “năng ý thể mặt luận” (eschatological urgings). Nhưng lần này, Fukuyama nêu vấn đề đầy lý tính và vừa phải hơn. Quan điểm của Fukuyama, dù có gốc rễ sâu xa trong truyền thống triết học và thần học Âu Châu và trực tiếp dựa trên sử định luận Hegel, cũng chỉ là một khuôn mặt của những phản khởi bộc phát từ mặc cảm tự tôn đối với tình thế khi Hoa Kỳ tự tuyên bố ưu thắng phe Xã Hội Chủ Nghĩa sau cả gần thế kỷ tranh chấp.

Fukuyama muốn nói gì?

Lịch sử là một tiến trình của ý thức nhân loại thể hiện qua ý thức hệ chính trị và thực tế lịch sử. Sau cuộc chiến tranh “lạnh” Đông-Tây, chúng ta đã vươn đến điểm cao nhất và cuối cùng trong chuỗi dài tiến hóa của ý thức hệ chính trị và lịch sử khi mà tư tưởng dân chủ đa nguyên và kinh tế thị trường đã chiếm vị thế ưu thắng và được nhân loại chấp nhận như là chân lý phổ cập. Nghĩa là, từ Đông sang Tây, giàu hay nghèo, độc tài hay tự do, ai ai cũng công nhận rằng dân chủ tự do là cứu cánh tối hậu cho tất cả các biện minh từ tư tưởng đến hành động. Theo Fukuyama thì lịch sử phải được hiểu theo Hegel, tức là “lịch sử ý thức hệ.” Do đó, khi nói rằng lịch sử đã đến hồi chung cuộc, không có nghĩa rằng biến cố sẽ chấm dứt; mà hàm ý rằng, tiến trình biến hóa của ý thức chính



trị và lịch sử đã đạt đến điểm cao nhất và tối hậu. Đó là chính trị thì dân chủ đa nguyên, kinh tế thì thị trường tiêu thụ. Chung cuộc lịch sử không có nghĩa là sự tàn rụi và chấm dứt ý thức hệ (“the end of ideology”) hay là một sự đồng quy giữa tư bản và cộng sản, mà là một chiến thắng vinh quang của ý thức dân chủ tự do và kinh tế thị trường tiêu thụ.

Chiến thắng này không những là chiến thắng của Hegel hay Tây Phương mà thôi, mà theo Fukuyama, còn là chiến thắng của Mỹ vì cả thế giới bây giờ đều theo chân Hoa Kỳ để kiến tạo một văn hóa thị trường tiêu thụ, một chính trị dân chủ đa nguyên, để rồi thế giới sẽ trở nên một thể trạng đại đồng (homogenous state).

Fukuyama vừa tuyên bố chiến thắng, vừa bạo gan dự phóng rằng sau sự thất bại của chủ nghĩa Cộng Sản và Fascism thì sẽ không còn một ý thức hệ nào có thể tranh đua hòng thay thế dân chủ (theo mô thức Âu Mỹ) để chuyển động bánh xe lịch sử nhân loại thêm lần nữa-ngoại trừ... “nhàm chán” (“boring”).

Có thực vậy không?

Cái bạo gan của Fukuyama là dám đứng ra tuyên bố chung cuộc, phân định thắng/bại- và còn cao hơn là khi ông ta cả gan nói rằng sẽ không còn gì trong tương lai đáng để nói, để làm.

Phản ứng của tiểu luận này nổi lên như những trận bão từ Âu Châu sang Mỹ. Trong số những bài của những cây viết gao cội khắp nơi thì bài của Timothy Fuller, cũng được đăng trong tạp chí *The National Interest* vào đầu năm 1990, là xuất sắc hơn cả.

Theo Fuller thì “chung mãn lịch sử” thực ra là một “thủ thách để nhìn lại những giả định mà chúng ta đã bị tùy thuộc hơn là một dự phóng nhất quyết về một viễn ảnh tương lai.” Theo Fuller thì triết học Hegel không có sự vượt thắng của một phạm trù vì như thế biện chứng sẽ sụp đổ. Nếu dân chủ kiểu Tây Phương là một tiền đề, cộng sản là phản đề, thì kết quả của tiến trình mâu thuẫn không thể cho phép tiền đề giữ nguyên hình trạng, hay phản đề bị phá bỏ, mà là một hợp đề mới, cao hơn, toàn hảo hơn. Từ đó dân chủ tự do và cộng sản đều bị biến thái sang một thể trạng mới, phẩm chất mới để rồi thể trạng này lại biến thành tiền đề và tiến trình biện chứng bắt đầu lại. Nên nhớ rằng bản chất của lịch sử- lịch sử là lịch sử ý thức hệ- không bao giờ ngừng nghỉ cả.

Hơn nữa, theo Fuller, Fukuyama chưa hiểu thấu đáo triết học Hegel- khi Fukuyama nhìn dân chủ kiểu Hoa Kỳ là hình thái biến hóa nhất định mà các dân tộc, quốc gia

khác sẽ đi theo. Bởi vì, theo Hegel, ý tưởng năng động sẽ hiện thực hóa vào thế giới, nhưng bản chất năng động của mỗi góc cạnh nhân loại sẽ được hiện thực theo bản chất tiếp ứng bởi con người ở thời điểm liên hệ. Do đó, dân chủ kiểu Mỹ và Tây Phương không phải là một thiết yếu tính (necessity), mà chỉ là một khả thể (possibility). (Nguyên văn: Fukuyama treats a momentary dominant ideational consensus as a first principle to which we appeal both as a justification for choosing liberal democracy and as proof of the necessity of submitting to liberal democracy).

Quá đủ. Thế còn phản ứng của chúng tôi?

Thứ nhất: Fukuyama mang nhãn quang một chiều mà tất cả người Âu Mỹ, và hầu hết trí thức Việt Nam, đều có. Đó là “Europocentrism” (“thành kiến Tây Âu” hay theo Cao Xuân Hạo, “đĩ Âu vi trung”)- mà tất cả chúng ta đều là nạn nhân của thiên kiến này. Sự thất bại trong một nỗ lực để cân bằng *Europocentrism* đều đã từng mang hậu quả khốc liệt. Cộng sản, dân chủ, đa nguyên, tư bản, kinh tế thị trường, “gánh nặng của người da trắng,” “sứ mạng truyền giảng đạo của Chúa Trời,” khi được đem vào Việt Nam một cách vô ý thức và nhiệt thành ngu xuẩn, đều là những hệ quả của cái thiên kiến cho rằng thế giới ngoài Âu Mỹ là số không, vô thực chất, vô giá trị, là bãi sa mạc cần phải chinh phục.

Ngay chính Hegel trong cuộc *Triết Học Lịch Sử* đã nói nhiều lần rằng lịch sử bắt đầu từ Đông Á (tức là Tàu) trường thành ở Cận Đông (Hi Lạp và La Mã) và dừng lại ở Âu Châu (Prussia, tiền thân của Đức Quốc) khi mà Âu Châu ý thức được lịch sử. Theo Hegel thì lịch sử chỉ hiện hữu khi có “ý thức về lịch sử” mà thôi. Mà ai ý thức? Người Tây Âu. Do đó, cho nên người Tây Âu “khám phá ra Mỹ Châu” trong khi thực tế thì người Tàu đã đến đó cả thế kỷ trước và dân da đỏ đã sinh sống ở đó tự đời xưa. Đây là cái thói quen “kẻ nào mạnh là đúng,” và cái gì “được nói ra mới là sự thật.”

Fukuyama đứng trên căn đề ý thức đó- trong vông lưới của ngôn ngữ và quyền lực Tây Phương ở thời điểm này để nhìn thế giới, quá khứ, vị lai trên căn bản giá trị Âu Mỹ. Không những thế, Fukuyama cùng rung cảm với quần chúng Mỹ với tình cảm xúc động hãnh tiến và tự tôn trong giai đoạn hiện tại. Tuy nhiên, Fukuyama cũng chỉ là một cá nhân, mà theo Hegel, thì không thể vượt qua được thời đại của mình. Tần Thủy Hoàng đã có lúc tuyên bố nước Tàu là “Trung Quốc,” vua là “Thiên Tử,” chế độ quân chủ chuyên chế là “chân lý.” Thực ra, chế

Lịch Sử Đã Đến Thời Chung Cuộc?

độ vua chúa chuyên chế của Trung Hoa tồn tại cả mấy ngàn năm- chắc là dài hơn ý thức “dân chủ đa nguyên,” “kinh tế thị trường” của Âu Mỹ hiện nay. Ở Âu Châu, vào thế kỷ thứ 16, Thiên Chúa Giáo, dưới sự lãnh đạo của La Mã, tự xưng là chìa khóa của lâu đài tinh thần cao nhất và cuối cùng của nhân loại. Nhưng bất chợt Martin Luther xuất hiện, Cơ Đốc Giáo xẻ ra làm đôi, chém giết nhau hàng thế kỷ và khi đó Giáo Hội La Mã mới tìm ra chút ít thái độ khiêm tốn khi nghĩ đến chân lý và sự thật.

Thứ hai: Fukuyama là nạn nhân của “historicism” (sử định luận). Sử định luận là trường phái triết học giải thích tất cả mọi hiện tượng nhân sinh bằng giá trị lịch sử. Chúng ta thử hỏi: Nếu ý thức “dân chủ” còn nằm trong những kệ sách ở các thư viện Tây Âu, không có tác động xã hội nào cả, không là nguyên nhân của biến cố nào cả, liệu rằng ý thức dân chủ đa nguyên có đại diện cho cứu cánh tiến hóa của ý thức nhân loại hay không? Nếu có thì lịch sử không có liên quan gì đến tiến hóa ý thức cả. Nếu không thì cái hình thái thể hiện mới là chính yếu- tức là biến động (events) chứ không phải rằng ý thức là tất cả.

Thôi được rồi. Nếu Fukuyama muốn nói rằng, ý thức hệ nào đó phải là nguồn năng động để đẩy bánh xe lịch sử mới được coi là tụ điểm của năng lực tiến hóa của ý thức nhân loại, do đó, những tư tưởng đang bị một căn ở Oxford hay bị chôn ở vùng núi Thiểm Tây, cho dù cao siêu, đại diện cho tinh hoa trí tuệ con người đi nữa, nếu bị bỏ quên, đều chỉ là hư vô. Lý luận này, tôi giả dụ rằng Fukuyama đưa ra, cũng không thể được chấp nhận vì chính ông ta có trích câu nói của Berlin Greens “truth rather than the majority” (“sự thật hơn là của đa số”).

Cái mâu thuẫn của Fukuyama là ở chỗ đó. Biến cố có tính cách tình cờ, tạo ra thế mạnh cho một khối thể lực để rồi khối thể lực này áp chế nhân loại tạo ra một tiến trình năng động phản kháng được gọi là “tiến trình lịch sử” để tiến đến “chân lý” mà con người không thể thoát ra được. Đến khi người da trắng Âu Mỹ nắm được chủ động giai đoạn, họ âm ỉ, mà Fukuyama là tiếng vọng, la lên rằng “chân lý” đã ở trong tay họ. Vì sao? Vì, theo Fukuyama, họ đã “chiến thắng.” Nhưng thử hỏi Fukuyama rằng khi người cộng sản Nga đòi bỏ phiếu kín, đòi ăn hamburger, sinh viên Tàu nâng tượng “nữ chúa tự do,” dân Hà Nội mặc quần jeans, dân Ấn Độ bỏ tiền vào ngân hàng thì “chân lý” không phải là đa số thì còn là cái chi nữa?

Và đó là khuyết điểm lớn của sử định luận: Nhìn kẻ thắng cầm đuốc chân lý, thấy số đông cho là sự thật, nghe ồn ào là thực tế. Không lạ gì khi Fukuyama trích câu nổi tiếng của Hegel, “Tất cả những gì hợp lý đều là thực tại, và tất cả những gì thực tại là hợp lý.” Có nghĩa là tất cả lịch sử là sản phẩm, là hệ quả của lý trí- vì nó đã xảy ra. Không có lý luận nào gây nhiều tranh cãi hơn tiền đề trên của Hegel. Còn tệ hại hơn nữa, tất cả những gì đã xảy ra (lịch sử) là chân lý- vì theo Hegel- chân lý là lý tính.

Karl Popper, tác giả cuốn *The Poverty of Historicism* có hỏi, “Lịch sử có nghĩa gì không?” Rồi Popper tự trả lời, “Lịch sử không mang ý nghĩa nào cả.” Vì sao? Popper nói tiếp, vì lịch sử, theo như mọi người nói đến, chỉ là “lịch sử của quyền lực chính trị,” chỉ là lịch sử của “các tội phạm quốc tế, của sát nhân” và “của những tên đồ tể ghê gớm nhất lại được ca tụng ở trường học.” Mặc dù ở đây Fukuyama nhắc đi nhắc lại rằng ông chỉ muốn nói đến “lịch sử của ý hệ chính trị,” nhưng Fukuyama lấy ý hệ của kẻ thắng, kẻ tạo biến cố để coi đó là chân lý cuối cùng, bất di, bất dịch.

Thứ ba: Chúng ta phải hỏi, tại sao lại phải có “chung cuộc”? Đây là gia sản tư duy hoàn toàn Tây Phương. Đối với Đông Phương thì quan niệm về thời thế không theo quy thức định điểm, do đó, khái niệm “thủy-chung” không giải quyết được vấn nạn về thực tại của hiện tượng. Trong khi đó Tây Phương, với bản chất nóng lòng, luôn luôn có khái niệm đầu tiên và cuối cùng. Thượng Đế là sự trả lời cho vấn nạn thủy chung đó vì “God” là đầu tiên, hiện tại, và cuối cùng. Tương tự như thế, *Armageddon* (“Tận Thế Chiến”) là giải pháp cho hiện hữu và đạo đức nhân loại.

Fukuyama cũng nằm trong viễn cảnh tâm tư này. Nếu vũ trụ, hay hiện hữu, nói gần hơn, lịch sử, mà “vô thủy, vô chung” thì không ai có kiên nhẫn để làm gì cả. Fukuyama lý luận, “bất cứ ai đã chấp nhận phạm trù sử định luận- tức là chân lý có căn bản từ lịch sử- phải đương đầu với vấn nạn chung cuộc của lịch sử ngay cả họ không ý thức được điều đó.” Nếu không, Fukuyama giải thích, thì sử định luận sẽ chỉ còn là “tương đối luận” đơn giản, hay tệ hơn nữa, là trở lực của tiến bộ. Lịch sử phải có đoạn kết để làm căn bản cho cơ chế quốc gia hiện tại, nếu không, những khái niệm về quyền hạn công dân sẽ không có gốc rễ chân lý. Sử định luận, vẫn theo Fukuyama, nếu không có chung cuộc sẽ dẫn đến hậu quả khốc liệt (fascism, vinh danh chiến tranh).



Allan Bloom, tác giả cuốn sách tương đối nổi tiếng, *The Closing of the American Minds*, phụ họa với Fukuyama rằng, khái niệm “chung cuộc” rất quan trọng, vì nếu không có khái niệm này, thì kiến thức là “sổ không” và “mọi nguyên tắc, cơ sở lý luận đều bất thường, luôn luôn thay đổi.” Nhưng Bloom lại cảnh giác rằng khái niệm chung cuộc của ý thức hệ sẽ đem con người trở lại với chu vi vụn vặt của cuộc sống và đem nhân loại về với đời sống thú vật vì, theo Fukuyama, thời “hậu sử” sẽ không còn cả triết lý hay nghệ thuật, mà chỉ còn “duy kinh tế” không thôi.

Thành ra vậy! “The End” chỉ là một cơ bản để nuôi nấng cái nguyên tắc đầu tiên (the First principle) chứ nó không là một định hướng. “Chung cuộc” là cái nền đá để chân lý chính trị được dựng lên. Hãy hình dung ra một cuộc đua và cái đích là cần thiết vì bạn đã ở trong cuộc đua hay đang đứng xem. Truyền thống Tây Phương mang cái nội dung sinh động đó. Tất cả đều là một cuộc đua, có đầu, có đuôi, có luật lệ. Nhưng ai đặt ra cuộc đua? Âu Mỹ. Ai làm luật chơi? Ai vẽ ra cái đích để đạt đến? Giá trị nào làm tiêu chuẩn định chế? Tất cả là của Âu Mỹ. Đến lúc Âu Mỹ tuyên bố hạ màn, vở kịch chấm dứt, đích

đã bị xóa, thì hãy bỏ quên những thằng da màu, da xăm tội nghiệp kia vì bọn họ không phải là “lịch sử.” Không ai trong người Việt chúng ta không là nạn nhân của cuộc chiến tranh trước 1975. Nhưng đối với Âu Mỹ thì Việt Nam là bóng mờ của quá khứ vì khái niệm lịch sử của Hoa Kỳ đã giải quyết xong. Còn mấy chục triệu người Việt đang đau khổ thời hậu chiến? Quên bọn đó đi vì lịch sử đã không có họ. Chiến tranh đó chấm dứt năm 1973 khi Mỹ rút quân chứ không phải năm 1975 khi cả triệu người Việt Nam bắt đầu bước vào kinh nghiệm thảm họa mới.

Từ đó, cái “đầu tiên” và “cuối cùng” của Âu Mỹ là của Âu Mỹ, chứ còn- như Fukuyama nói- “thế giới thứ Ba vẫn sẽ tiếp tục ngụp lặn trong lịch sử.” Nghĩa rằng: “the End” không phải là một tiêu chuẩn phổ quát để chia sẻ và chịu trách nhiệm.



Sự thật: đau khổ là vĩnh cửu, thường trực. Nó không có bắt đầu, không có chấm dứt. Đó là bản chất hiện hữu. Lịch sử là giòng thác điên loạn của nhân loại bởi trong máu và nước mắt của khổ đau. Từ đó, lịch sử là ý thức khổ đau. Khi nào còn tiếng khóc, tiếng la, của bất cứ ai, từ đâu, nơi nào, khi đó còn lịch sử. Lịch sử chưa chấm dứt. Chưa được chấm dứt. Không có quyền chấm dứt.

